



Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh 2014 Công ty TNHH BHNT Generali Việt Nam

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

Thành lập vào năm 1831 tại Trieste, Ý, Generali hiện là một trong những công ty bảo hiểm lớn nhất tại châu Âu và trên toàn cầu. Với doanh thu phí bảo hiểm năm 2014 lên đến 70 tỷ EUR, 78.000 nhân viên trên toàn thế giới phục vụ 72 triệu khách hàng tại hơn 60 quốc gia, Tập đoàn Generali được Fortune Global 500 xếp hạng trong nhóm 50 công ty lớn nhất thế giới. Tại Châu Á, Tập đoàn Generali đã có mặt tại 10 thị trường quan trọng trong vùng bao gồm Hồng Kông, Nhật, Philippines, Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia, Việt Nam, Malaysia và Singapore.

Được Bộ Tài Chính cấp Giấy phép hoạt động số 61 GP/KDBH ngày 20/04/2011, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam hiện là một trong những công ty thành viên phát triển mạnh mẽ và năng động tại Châu Á của Tập đoàn Generali. Sau gần bốn năm hoạt động, Generali Việt Nam hiện đang phục vụ nhu cầu bảo hiểm cho hơn 62.000 cá nhân và nhân viên của hơn 500 doanh nghiệp trong và ngoài nước. Năm 2014, Generali Việt Nam đã có những bước chuyển biến rõ rệt với doanh thu phí bảo hiểm tăng gần 300% so với cùng kỳ năm trước. Công ty đã mở rộng hoạt động đến các tỉnh, thành trọng điểm của Việt Nam như: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Hải Dương, Vũng Tàu, Cần Thơ, Vĩnh Phúc và sẽ tiếp tục phát triển đến các địa phương khác trong năm 2015. Bên cạnh việc mở rộng mạng lưới, Generali cũng đã hợp tác với các đối tác là các ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam như: Techcombank, Saigon Commercial Bank nhằm triển khai các sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng thông qua hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch của các đối tác ngân hàng này trên toàn quốc.

II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

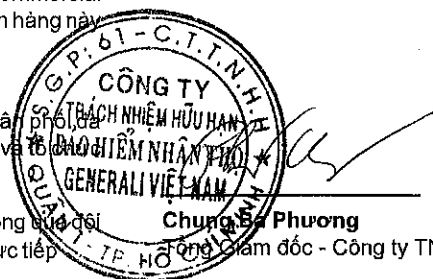
Về chiến lược hoạt động và phát triển của Generali Việt Nam tại thị trường, Generali Việt Nam cam kết phát triển các kênh phân phối đa dạng và sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm phong phú nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu bảo hiểm và quản lý tài chính của các cá nhân và tổ chức tại Việt Nam, cụ thể như sau:

- Xây dựng mô hình kinh doanh với các kênh phân phối đa dạng phục vụ khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp thông qua đội ngũ quản lý và tư vấn bảo hiểm, chuyên viên tư vấn tài chính, các tổ chức tài chính, môi giới bảo hiểm và các kênh phân phối trực tiếp
- Phát triển đội ngũ quản lý và tư vấn bảo hiểm, chuyên viên tư vấn tài chính chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường với chất lượng tư vấn vượt trội. Cung cấp danh mục sản phẩm đa dạng, dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng cá nhân

- Phát huy kinh nghiệm lâu dài của Tập đoàn cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng doanh nghiệp
- Đầu tư đúng mức vào nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin nhằm xây dựng đội ngũ nhân viên tài năng và đảm bảo hiệu quả hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và hoàn thành cam kết với khách hàng tại Việt Nam

III. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM)

Theo ý kiến của kiểm toán độc lập, báo cáo tài chính tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán - đã phản ánh nhất quán, xét trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đã được kiểm toán, phù hợp với quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
I	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	648.251.872.946	499.131.908.002
01	Tiền và các khoản tương đương tiền	355.039.397.527	58.651.001.737
02	Các khoản đầu tư ngắn hạn	238.023.610.000	405.290.000.000
03	Các khoản phải thu	41.609.830.143	30.311.228.716
04	Hàng tồn kho	879.817.638	188.937.940
05	Tài sản ngắn hạn khác	12.699.217.638	4.690.739.609
II	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	409.470.154.632	238.521.164.957
01	Tài sản cố định	36.073.267.931	16.405.350.415
02	Đầu tư dài hạn	331.376.613.190	200.000.000.000
03	Tài sản dài hạn khác	42.020.273.511	22.115.814.542
III	TỔNG TÀI SẢN	1.057.722.027.578	737.653.072.959
IV	NỢ PHẢI TRẢ	293.168.428.705	82.328.896.940
01	Nợ ngắn hạn	159.390.016.437	38.797.830.521
02	Nợ dài hạn	99.687.526	150.208
03	Dự phòng nghiệp vụ	133.678.724.742	43.530.916.211
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	764.553.598.873	655.324.176.019
01	Vốn điều lệ	1.174.000.000.000	800.000.000.000
02	Vốn khác	2.081.784.780	2.081.784.780
03	Lỗi lũy kế	(411.528.185.907)	(146.757.608.761)
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	1.057.722.027.578	737.653.072.959

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
01	Tổng doanh thu	257.351.628.239	95.243.344.599
	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh BH	204.920.112.935	42.660.530.401
	Thu nhập từ hoạt động tài chính	52.429.460.645	52.582.814.198
	Thu nhập khác	2.054.659	-
02	Tổng chi phí	(522.022.668.067)	(177.017.761.439)
	Chi phí hoạt động kinh doanh BH	(401.486.860.278)	(101.169.885.226)
	Chi phí hoạt động tài chính	(11.240.957)	-
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(120.524.566.832)	(75.847.876.213)
03	Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(264.671.039.828)	(81.774.416.840)
04	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
05	(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(99.537.318)	260.800
06	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(264.770.577.146)	(81.774.156.040)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
01	Cơ cấu tài sản			
	(Tổng tài sản cố định & đầu tư dài hạn)/Tổng tài sản	%	38.71	32.34
	(Tổng tài sản lưu động & đầu tư ngắn hạn)/Tổng tài sản	%	61.29	67.66
02	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27.72	11.16
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72.28	88.84
03	Khả năng thanh toán			
	Tổng tài sản/Tổng công nợ	lần	3.61	8.96
	(Tổng tài sản lưu động & đầu tư ngắn hạn)/Tổng nợ ngắn hạn	lần	4.07	12.86
	(Tiền & đầu tư ngắn hạn)/Tổng nợ ngắn hạn	lần	3.72	11.96
04	Tỷ suất lợi nhuận			
	Lỗ trước thuế/			
	(Doanh thu thuần + thu nhập từ hoạt động tài chính + thu nhập khác)	%	(106.34)	(88.88)
	Lỗ sau thuế/			
	(Doanh thu thuần + thu nhập từ hoạt động tài chính + thu nhập khác)	%	(106.38)	(88.88)
	Lỗ trước thuế/Tổng tài sản	%	(25.02)	(11.09)
	Lỗ sau thuế/Tổng tài sản	%	(25.03)	(11.09)
	Lỗ sau thuế/Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	%	(34.63)	(12.48)